TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 12 - GIA LAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 06/2026/DSST
Ngày 09/02/2026
"v/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 - GIA LAI

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Ksor P

- Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Quốc V và bà Phùng Thị Tố Tr

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Hải B - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân khu vực 12 - Gia Lai

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 - Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Nay S - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 02 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 12 - Gia Lai mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 30/2025/TLST-DS, ngày 20 tháng 10 năm 2025 về việc*"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2025/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 4 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2026/QĐST- DS ngày 23 tháng 01 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 12 - Gia Lai, giữa các đương sự:

+ *Nguyên đơn:* Bà Hoàng Thị B1, sinh năm 1982

Địa chỉ: Buôn Chư Ung, xã Phú Túc, tỉnh Gia Lai. Có mặt

+ *Bị đơn:* Anh Phạm Bá L, sinh năm 1986 và chị Trần Thị Nh, sinh năm 1991

Cùng địa chỉ: Buôn Chư Ung, xã Phú Túc, tỉnh Gia Lai. Chị Trần Thị Nh có mặt; anh Phạm Bá L vắng mặt tại phiên toà lần thứ hai không có lý do mặc dù đã được triệu tập hợp lệ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Hoàng Thị B1 trình bày: Ngày 25/4/2018, bà cho chị Trần Thị Nh và anh Phạm Bá L vay số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng), số tiền này sau đó họ đã thanh toán 23.000.000 đồng chỉ còn nợ lại nợ gốc là 27.000.000 đồng (Hai mươi bảy triệu đồng). Tiếp đến ngày 15/9/2023 bà tiếp tục cho chị Trần Thị Nh và anh Phạm Bá L vay số tiền 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng), sau đó họ cũng đã trả 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng) chỉ còn nợ lại 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng) nợ gốc.

Tại phiên tòa, bà xin thay đổi quan điểm khởi kiện so với đơn khởi kiện là:

Đối khoản vay ngày 25/4/2018, tiền gốc 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) còn nợ lại 27.000.000 đồng (Hai mươi bảy triệu đồng) nợ gốc, vì giấy mượn tiền chỉ có chị Trần Thị Nh ký nên bà yêu cầu chị Trần Thị Nh có nghĩa vụ trả cho bà số tiền là 27.000.000 đồng (Hai mươi bảy triệu đồng) nợ gốc, không yêu cầu tính lãi suất phát sinh.

Đối với khoản vay ngày 15/9/2023 số tiền 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng), sau đó chị Trần Thị Nh và anh Phạm Bá L đã trả 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng) chỉ còn nợ lại 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng) nợ gốc. Bà yêu cầu anh Phạm Bá L và chị Trần Thị Nh có nghĩa vụ liên đới trả cho bà số tiền 150.000.000.000 đồng nợ gốc và lãi suất phát sinh từ ngày 15/09/2023 với mức lãi suất theo quy định của pháp luật là 10%/năm cho đến khi giải quyết vụ án.

2. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn chị Trần Thị Nh trình bày:

Ngày 25/4/2018 chị có vay của bà Hoàng Thị B1 số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng), số tiền này chị đã thanh toán hết tiền gốc với bà Hoàng Thị B1 chỉ còn nợ lại 27.000.000 đồng (Hai mươi bảy triệu đồng) là tiền lãi. Tiếp đến ngày 15/9/2023 vợ chồng chị (là anh Phạm Bá L và chị Trần Thị Nh) có vay của bà Hoàng Thị B1 số tiền 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng), số tiền này chị đã trả cho bà Hoàng Thị B1 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng) chỉ còn nợ lại 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng) nợ gốc.

Chị tự nguyện, công nhận hiện nay chị còn nợ bà Hoàng Thị B1 số tiền nợ là 177.000.000 đồng (Một trăm bảy mươi bảy triệu đồng), chị đồng ý cùng anh Phạm Bá L liên đới có nghĩa vụ trả cho bà Hoàng Thị B1 toàn bộ số tiền gốc và lãi. Tuy nhiên, do bà Hoàng Thị B1 có hành vi xâm phạm quyền, nghĩa vụ, danh dự, nhân phẩm của vợ chồng chị nên chị đề nghị bà Hoàng Thị B1 phải công khai xin lỗi vợ chồng chị thì chị mới hoàn trả tiền còn nợ.

Tại phiên tòa, chị Trần Thị Nh giao nộp "Đơn trình báo" với nội dung yêu cầu xử lý bà Hoàng Thị B1 vì có hành vi xâm phạm quyền, nghĩa vụ, danh dự, nhân phẩm của chị và các thành viên gia đình.

3. Quá trình giải quyết vụ án mặc dù anh Phạm Bá L đã được Tòa án triệu tập, tống đạt các văn bản tố tụng nhiều lần. Quá trình xét xử Tòa án đã tống đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng anh Phạm Bá L và chị Trần Thị Nh vẫn vắng mặt mà không có lý do, không vì nguyên nhân bất khả kháng và cũng không ủy quyền cho ai tham gia tố tụng tại Tòa án nên không thể ghi nhận ý kiến.

Phát biểu ý kiến sau phần tranh luận, Kiểm sát viên cho rằng trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Thư ký đã tuân thủ đầy đủ các thủ tục tố tụng cần thiết theo quy định của pháp luật; Tại phiên toà Hội đồng xét xử cũng đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng kể từ khi bắt đầu phiên toà cho đến trước khi nghị án.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào chứng cứ là giấy mượn tiền ngày 25/4/2018 có chữ ký và ghi họ tên người mượn tiền là chị Trần Thị Nh có vay của bà Hoàng Thị B1 số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) và giấy mượn tiền ngày 15/9/2023 có chữ ký và ghi họ tên người mượn tiền là anh Phạm Bá L và chị Trần Thị Nh có vay của bà Hoàng Thị B1 số tiền 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng). Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án có cơ sở khẳng định vào ngày 25/4/2018 chị Trần Thị Nh có vay bà Hoàng Thị B1 số tiền là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng), sau đó chị Nh đã thanh toán cho bà Hoàng Thị B1 số tiền là 23.000.000 đồng, chị Trần Thị Nh còn nợ lại bà Hoàng Thị B số tiền 27.000.000 đồng (Hai mươi bảy triệu đồng); Vào ngày 15/9/2023 anh Phạm Bá L và chị Trần Thị Nh có vay bà Hoàng Thị B1 số tiền là 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng), sau đó anh Phạm Bá L và chị Trần Thị Nh đã trả cho bà Hoàng Thị B1 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng), còn nợ lại 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng). Cả nguyên đơn, bị đơn đều không nhớ rõ thời gian trả tiền nợ gốc của từng khoản vay và có thoả thuận miệng về lãi suất, mức lãi suất theo lãi suất ngân hàng. Bà Hoàng Thị B1 đi đòi nhiều lần nhưng anh Phạm Bá L và chị Trần Thị Nh không trả nên bà Bà Hoàng Thị B1 khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc chị Trần Thị Nh trả cho bà Hoàng Thị B1 số tiền đã vay là 27.000.000 đồng (Hai mươi bảy triệu đồng), không yêu cầu trả lãi suất phát sinh và yêu cầu anh Phạm Bá Lợi, chị Trần Thị Nh phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Hoàng Thị B1 số tiền 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng) và lãi suất theo quy định của pháp luật 10%/năm là có căn cứ nên cần được chấp nhận.

Từ những phân tích, đánh giá nêu trên:

Căn cứ các điều 4, 5, 6, khoản 3 Điều 26, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2025;

Áp dụng các điều 274, 275, 276, 278, 280, 288, 463, 466, 468 và Điều 688 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016, ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hoàng Thị B1.

Buộc chị Trần Thị Nh phải trả cho bà Hoàng Thị B1 số tiền là 27.000.000 đồng (Hai mươi bảy triệu đồng).

Buộc anh Phạm Bá L và chị Trần Thị Nh phải liên đới trả cho bà Hoàng Thị B1 số tiền là 150.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Phạm Bá L và chị Trần Thị Nh phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

1. Về tố tụng: Đây là vụ án dân sự tranh chấp hợp đồng vay tài sản quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2025. Sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn anh Phạm Bá L, chị Trần Thị Nh theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng anh Phạm Bá L không đến Tòa án để thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng. Giai đoạn xét xử vụ án Tòa án đã tống đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng anh Phạm Bá L vẫn vắng mặt tại phiên tòa, do vậy Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh Phạm Bá L là đúng với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử chỉ căn cứ vào kết quả của việc hỏi nguyên đơn và bị đơn có mặt tại phiên tòa và xem xét các tài liệu chứng cứ đã thu thập được trong hồ sơ vụ án để quyết định, anh Phạm Bá Lợi phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

2. Về nội dung: Nguyên đơn bà Hoàng Thị B1 khởi kiện yêu cầu bị đơn anh Phạm Bá Lợi phải trả số tiền còn nợ từ việc vay, mượn tiền.

[2.1] Chứng cứ nguyên đơn cung cấp để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là bản gốc 01 (một) "Giấy mượn tiền" được viết tay, mực màu xanh, viết trên 01 (một) mặt giấy A4 được đánh máy sẵn, có nội dung bắt đầu và kết thúc: "CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM …. GIẤY MƯỢN TIỀN … Tên tôi là: Trần Thị Nh … chư ngọc – Krongpa – gialai …. Tôi có mượn Ông/bà Hoàng thị B1 … chư ngọc – Krongpa … Số tiền là 50.000.000 đồng … năm mươi triệu đồng chẵn. Trong thời hạn 6 tháng, kể từ ngày 25/4/2018… 25/4/2019…. BÊN MƯỢN TIỀN …. Trần Thị Nhâm… …. NGƯỜI CHO MƯỢN TIỀN … Hoàng Thị B1… Đã nhận đủ 50.000.000 (năm mươi triệu đồng chẵn)"; Các nội dung: "Trần Thị Nh", "chư ngọc – Krongpa – gialai", "Hoàng thị B", "chư ngọc – Krongpa", "50.000.000", "năm mươi triệu đồng chẵn", "6", "25/4/2018", "25/4/2019", "Đã nhận đủ 50.000.000 (năm mươi triệu đồng chẵn)", "Hoàng Thị B1" được viết tay, mực màu xanh. Và bản gốc 01 (một) "Giấy mượn tiền" được viết tay, mực màu xanh, viết trên 01 (một) mặt giấy A4 được đánh máy sẵn, có nội dung bắt đầu và kết thúc: "CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM …. GIẤY MƯỢN TIỀN … Tên tôi là: Trần Thị Nh … Chư Ngọc Krông PA Gia Lai …. Làm nông…. Tôi có mượn Ông/bà Hoàng thị B1 … Chư Ngọc Krông PA Gia Lai … Số tiền là 300.000.000 đồng … ba trăm triệu đồng chẵn. Trong thời hạn 1 tháng, kể từ ngày 15/09/2023… 15/10/2023…. Đã giao đủ Tiền cho ông bà (Phạm Bá L)… BÊN MƯỢN TIỀN …. Trần Thị Nhâm… Phạm bá L…. Ngày 15 tháng 09 năm 2023… NGƯỜI CHO MƯỢN TIỀN … Hoàng Thị B…"; Các nội dung: "Trần Thị Nh", "Chư Ngọc Krông PA Gia Lai", "Làm nông","Hoàng thị B", "Chư Ngọc Krông PA Gia Lai", "300.000.000", "ba trăm triệu đồng chẵn", "1", "15/09/2023", "15/10/2023", "Đã giao đủ Tiền cho ông bà (Phạm Bá L)", "Trần thị nhâm", "Phạm bá L", "Hoàng Thị B1" được viết tay, mực màu xanh. Bị đơn anh Phạm Bá L, chị Trần Thị Nh không có quan điểm trình bày, không phản đối, không cung cấp tài liệu chứng cứ nào cho Tòa án, vì vậy chứng cứ nguyên đơn đưa ra để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là có căn cứ và hợp pháp.

[2.2] Về nợ gốc: Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Hoàng Thị B1 và bị đơn chị Trần Thị Nh đều tự nguyện, thống nhất ngày 25/4/2018 chị Trần Thị Nh có vay của bà Hoàng Thị B1 số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng), ngày 15/9/2023 vợ chồng chị Trần Thị Nh, anh Phạm Bá L vay của bà Hoàng Thị B1 số tiền 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng), đã trả cho bà Hoàng Thị B1 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng) chỉ còn nợ lại 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng).

Bị đơn chị Trần Thị Nh trình bày đã trả hết nợ gốc 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) của khoản vay ngày 25/4/2018 và còn nợ 27.000.000 đồng (Hai mươi bảy triệu đồng) tiền lãi, tuy nhiên chị Trần Thị Nh không cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho trình bày của mình, do đó HĐXX không có căn cứ chấp nhận.

Bị đơn anh Phạm Bá L không có trình bày, không ủy quyền cho ai tham gia tố tụng tại Tòa án và không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì.

Như vậy, HĐXX đủ căn cứ để xác định chị Trần Thị Nh còn nợ bà Hoàng Thị B số tiền 27.000.000 đồng (Hai mươi bảy triệu đồng). Anh Phạm Bá L và chị Trần Thị Nh còn nợ bà Hoàng Thị Bền1 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng).

[2.3] Về lãi suất: Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Hoàng Thị B1 và bị đơn chị Trần Thị Nh đều tự nguyện, thống nhất cả hai lần vay tiền đều thỏa thuận miệng về lãi suất, mức lãi suất theo lãi suất ngân hàng. Bị đơn anh Phạm Bá L không có trình bày, không ủy quyền cho ai tham gia tố tụng tại Tòa án và không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì.

Việc anh Phạm Bá L và chị Trần Thị Nh không thực hiện việc trả tiền nợ gốc đầy đủ và lãi suất cho bà Hoàng Thị B1 là vi phạm về nghĩa vụ dân sự đã cam kết được quy định tại các điều 274, 275, 276, 278, 280 và Điều 466 của Bộ luật Dân sự. Do vậy cần buộc bị đơn anh Phạm Bá L, chị Trần Thị Nh phải trả cho bà Hoàng Thị B1 số tiền nợ gốc và lãi suất là có căn cứ pháp luật.

[2.4] Về thời gian trả tiền nợ gốc và thời gian bắt đầu tính lãi: Cả nguyên đơn, bị đơn đều không nhớ rõ thời gian trả tiền nợ gốc của từng khoản vay và không cung cấp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ chứng minh thời điểm trả tiền nợ gốc, do đó không có căn cứ xác định thời gian trả tiền nợ gốc của từng khoản vay.

Do không có căn cứ xác định thời gian trả tiền nợ gốc của từng khoản vay nên nguyên đơn yêu cầu thời gian tính lãi phát sinh là ngày 15/9/2023 - thời điểm vay tiền của các đương sự, bị đơn chị Trần Thị Nh cũng đồng ý với quan điểm này, do đó HĐXX chấp nhận là phù hợp với quy định của pháp luật.

Thời gian tính lãi của khoản nợ 150.000.000 đồng là kể từ ngày 15/09/2023 đến ngày 09/02/2026 là 28 tháng 23 ngày. Vậy tiền lãi được tính là 150.000.000 đồng x 10%/năm x (28 tháng 23 ngày) = 35.181.159 đồng

[2.4] Về nghĩa vụ trả nợ của từng khoản nợ vay.

Đối khoản vay ngày 25/4/2018, tiền gốc 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu

đồng) còn nợ lại 27.000.000 đồng (Hai mươi bảy triệu đồng) nợ gốc, nguyên đơn bà Hoàng Thị B1 yêu cầu chị Trần Thị Nhâm có nghĩa vụ trả 27.000.000 đồng (Hai mươi bảy triệu đồng).

Đối với khoản vay ngày 15/9/2023 số tiền 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng) còn nợ lại 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng) nợ gốc, nguyên đơn bà Hoàng Thị B1 yêu cầu anh Phạm Bá L và chị Trần Thị Nh có nghĩa vụ liên đới trả 150.000.000 đồng nợ gốc và 35.181.159 đồng tiền lãi, tổng cộng là 185.181.159 đồng.

[2.5] Về các vấn đề khác của vụ án: Đối với yêu cầu của bị đơn chị Trần Thị Nh trong quá trình giải quyết vụ án và "Đơn trình báo" mà bị đơn chị Trần Thị Nh nộp cho HĐXX tại phiên tòa, xét thấy yêu cầu không thuộc thẩm quyền giải quyết của HĐXX, do đó HĐXX không xem xét và hướng dẫn bị đơn chị Trần Thị Nh nộp đơn cơ quan có thẩm quyền giải quyết.

- *Về án phí:* Căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 12, Điều 13 và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án:

Chị Trần Thị Nh phải chịu 27.000.000 đồng x 5% = 1.350.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm

Anh Phạm Bá L và chị Trần Thị Nh phải liên đới chịu 185.181.159 đồng x 5% = 9.259.058 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho bà Hoàng Thị B1 số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 4, 5, 6, khoản 3 Điều 26, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2025;

Áp dụng các điều 274, 275, 276, 278, 280, 288, 463, 466,468 và Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hoàng Thị B1.

Buộc chị Trần Thị Nh phải trả cho bà Hoàng Thị Bền số tiền là 27.000.000 đồng (Hai mươi bảy triệu đồng)

Buộc anh Phạm Bá L và chị Trần Thị Nh phải liên đới trả cho bà Hoàng Thị B1 số tiền là 185.181.159 đồng (Một trăm tám mươi lăm triệu một trăm tám mươi mốt nghìn một trăm năm mươi chín đồng). Trong đó tiền gốc là 150.000.000đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng) và tiền lãi là 35.181.159 đồng (Ba mươi lăm triệu một trăm tám mươi mốt nghìn một trăm năm mươi chín đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải

trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

- *Về án phí:* Căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 12, Điều 13 và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án: Buộc chị Trần Thị Nh phải chịu 1.350.000 đồng (Một triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Buộc anh Phạm Bá L và chị Trần Thị Nh phải liên đới chịu 9.259.058 đồng (Chín triệu hai trăm năm mươi chín nghìn không trăm năm mươi tám đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho bà Hoàng Thị B1 số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.398.500 đồng (Năm triệu ba trăm chín mươi tám nghìn năm trăm đồng) theo biên lai thu số 0003541 ngày 15 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai.

Bà Hoàng Thị B1, chị Trần Thị Nh có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 09/02/2026), anh Phạm Bá L vắng mặt có quyền kháng cáo bản án kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm.

Thành viên hội đồng xét xử - Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Hoàng Quốc V - Phùng Thị Tố Tr Ksor P